

SOẠN BÀI TRAU DỒI VỐN TỪ

Soạn bài trau dồi vốn từ của Đọc Tài Liệu giúp bạn nắm vững kiến thức và trả lời câu hỏi trang 99 đến trang 104 SGK Ngữ văn 9 tập 1.

Tài liệu **hướng dẫn soạn bài trau dồi vốn từ** của Đọc Tài Liệu được biên soạn gồm 2 phần gồm phần kiến thức cơ bản và phần gợi ý trả lời câu hỏi sách giáo khoa ngữ văn 9 tập 1 từ trang 99 đến trang 104.



Tham khảo ngay...

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Từ là chất liệu nhỏ nhất để tạo nên câu. Muốn diễn tả chính xác và sinh động những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của mình, người nói phải biết rõ những từ mà mình dùng và có vốn từ phong phú. Do đó, trau dồi vốn từ là việc rất quan trọng để phát triển kỹ năng diễn đạt.

2. Từ vựng của một ngôn ngữ không phải chia đều cho tất cả các thành viên trong cộng đồng nói ngôn ngữ đó mà ai học hỏi được nhiều hơn thì người đó nắm được vốn từ nhiều hơn. Từ đó đặt ra yêu cầu rèn luyện để biết thêm những từ mà mình chưa biết, làm tăng vốn từ của cá nhân. Các nhà văn lớn của thế giới và của Việt Nam như U. Séc-xpia, A. Pu-skin, Nguyễn Du... là những tấm gương sáng về việc trau dồi vốn từ bằng cách học hỏi từ ngữ của nhân dân mình.

3. Có hai hình thức trau dồi vốn từ:

a) Rèn luyện để biết đầy đủ và chính xác nghĩa và cách dùng của từ.

b) Rèn luyện để biết thêm những từ mà mình chưa biết, làm tăng vốn từ của cá nhân.

Cả hai hình thức đều quan trọng như nhau.

II. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI SGK

Hướng dẫn trả lời tất cả các câu hỏi từ trang 99 đến trang 104 sách giáo khoa [ngữ văn 9](#) tập 1.

RÈN LUYỆN ĐỂ NẮM VỮNG NGHĨA CỦA TỪ VÀ CÁCH DÙNG TỪ 1 - TRANG 99 SGK

Qua ý kiến sau đây, em hiểu tác giả muốn nói điều gì? [...]

Trả lời

Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn nói:

- Tiếng Việt của chúng ta vô cùng giàu đẹp, có khả năng rất lớn trong diễn đạt tư tưởng, tình cảm của con người.

- Chúng ta phải không ngừng trau dồi và luyện tập để sử dụng tiếng ta có hiệu quả nhất.

2 - Trang 100 SGK

Xác định lỗi diễn đạt trong những câu sau: [...]

Trả lời

Xác định lỗi diễn đạt trong các câu:

- a) Câu này lỗi lặp từ ngữ: thắng cảnh nghĩa là “cảnh đẹp”, vì thế thừa từ “đẹp” ở cuối câu.
 b) Câu này dùng sai từ dự đoán. Dự đoán là đoán trước tình hình, sự kiện nào đó có thể xảy ra. Nên thay dự đoán (đoán phỏng chừng, không chắc chắn) hay ước đoán (đoán ước chừng).
 c) Từ đẩy mạnh trong câu này đã kết hợp sai với từ quy mô. Đẩy mạnh nghĩa là "thúc đẩy cho phát triển nhanh" không thể đi với quy mô (chỉ mức độ to nhỏ). Nên dùng từ mở rộng thay cho đẩy mạnh.

→ Nguyên nhân của những lỗi trên là do “*không biết dùng tiếng ta*”. Để biết dùng tiếng ta cần phải hiểu chính xác nghĩa của từ, biết cách sử dụng từ.

RÈN LUYỆN ĐỂ LÀM TĂNG VỐN TỪ

Em hiểu ý kiến sau đây như thế nào: [...] (Trang 100 - 101 SGK)

Trả lời

Đọc kĩ ý kiến của Tô Hoài, ta hiểu:

Chữ nghĩa của Nguyễn Du sử dụng trong Truyện Kiều đạt đến độ tuyệt vời, chữ nghĩa có được ấy là do ông học hỏi từ lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân.

+ Nguyễn Du không chỉ dùng từ chính xác mà còn sáng tạo ra những từ mới. Sự sáng tạo này xuất phát từ sự quan sát cuộc sống lao động của người bình dân.

LUYỆN TẬP

1 - Trang 101 SGK

Chọn cách giải thích đúng: [...]

Trả lời

- Hậu quả: Kết quả xấu.
- Đoạt: Chiếm được phần thắng.
- Tinh tú: Sao trên trời.

2 - Trang 100 SGK

Xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt [...]

Trả lời

a) Tuyệt (yếu tố Hán Việt):

- Với nghĩa là "*dứt, không còn gì*" trong các từ:

- Tuyệt chủng (bị mất hẳn nòi giống),
- Tuyệt giao (cắt đứt giao thiệp),
- Tuyệt tự (không có người con trai nối dõi - theo quan niệm phong kiến),
- Tuyệt thực (nhịn đói, không chịu ăn gì để phản đối - một hình thức đấu tranh).

- Với nghĩa là "*cực kì, nhất*" trong các từ:

- Tuyệt mật (giữ bí mật tuyệt đối),
- Tuyệt tác (tác phẩm nghệ thuật đạt đỉnh cao, đến mức hay nhất),
- Tuyệt trần (nhất trên đời, không có gì so sánh nổi),
- Tuyệt đỉnh (điểm cao nhất, mức cao nhất).

b) Đồng (yếu tố Hán Việt):

- Với nghĩa là "*cùng nhau, giống nhau*" trong các từ:

- Đồng âm (có âm thanh giống nhau),
 - Đồng bào (cùng một bào thai, chỉ những người cùng một giống nòi, một dân tộc, một tổ quốc với mình nói chung, với hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt),
 - Đồng bộ (phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng, ăn khớp),
 - Đồng chí (những người cùng chí hướng chính trị), đồng dạng (có cùng một dạng như nhau),
 - Đồng khởi (cùng vùng dậy dùng bạo lực để phá ách kìm kẹp, giành chính quyền),
 - Đồng môn (cùng học một thầy, một trường thời phong kiến hoặc cùng môn phái),
 - Đồng niên (cùng một tuổi),
 - Đồng sự (cùng làm việc với nhau trong một cơ quan).
- Với nghĩa là “trẻ em”:
- Đồng ấu (trẻ em khoảng 6 - 7 tuổi),
 - Đồng dao (bài hát dân gian truyền miệng của trẻ em, thường kèm một trò chơi nhất định),
 - Đồng thoại (thể truyện viết cho trẻ em, trong đó loài vật và các vật vô tri được nhân cách hoá để tạo nên một thế giới thần kì, thích hợp với trí tưởng tượng của các em).
- Với nghĩa là (chất) “đồng”: trống đồng (nhạc khí gõ thời cổ, đúc bằng đồng, trên mặt có hoạ tiết trang trí).

3 - Trang 102 SGK

Sửa lỗi dùng từ trong các câu sau [...]

Trả lời

a) Câu "Về khuya đường phố rất im lặng" dùng chưa chính xác từ im lặng. Từ im lặng chỉ nói về con người (Chú ý: cách nói "Đường phố ơi hãy im lặng", đường phố ở đây đã được nhân hoá). Nên thay từ im lặng bằng từ vắng lặng hay yên tĩnh.

b) Câu "Trong thời kì đổi mới, Việt Nam đã thành lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới" đã dùng sai từ thành lập. Từ này có nghĩa là "lập nên, xây dựng nên một tổ chức như nhà nước, đảng, hội, công tư, câu lạc bộ...". Quan hệ ngoại giao không phải là một tổ chức vì thế nên thay từ thành lập bằng từ thiết lập (thiết lập quan hệ ngoại giao.)

c) Câu Những hoạt động từ thiện của ông khiến chúng tôi rất cảm xúc đã dùng sai từ cảm xúc. Nên thay từ cảm xúc bằng từ cảm động hoặc cảm phục.

4 - Trang 102 SGK

Bình luận ý kiến sau đây:[...]

Trả lời

Trước hết em phải hiểu được nội dung, tinh thần cơ bản của ý kiến trên. Từ đó, em sẽ đưa ra những lời bình luận của mình.

Ý kiến của Chế Lan Viên nói về vẻ đẹp của tiếng Việt. Vẻ đẹp ấy có thể hiện ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người nông dân, chỉ với xung quanh về chuyện cây lúa mà có rất nhiều ngôn ngữ được sáng tạo ra từ đây. Tác giả mong muốn rằng cùng với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thì chúng ta còn cần phải giữ gìn được sự giàu có của tiếng Việt nữa.

- Trong bình luận, em có thể nói đến tiếng Việt của chúng ta rất giàu đẹp. Điều đó thể hiện trước hết qua ngôn ngữ của người nông dân muốn giữ gìn sự trong sáng.

5 - Trang 103 SGK

Dựa theo ý kiến của chủ tịch Hồ Chí Minh [...], hãy nêu cách em sẽ thực hiện để làm tăng vốn từ.

Trả lời

Các cách để làm tăng vốn từ:

- Chú ý quan sát, lắng nghe cách nói của những người khác (qua những người xung quanh, qua các phương tiện thông tin đại chúng).
- Đọc sách báo có chọn lọc (đặc biệt chọn những tác phẩm văn học mẫu mực của các nhà văn nổi tiếng để đọc).
- Ghi chép lại các từ ngữ mới
- Tìm hiểu nghĩa của từ qua từ điển hoặc hỏi thầy cô giáo
- Tập sử dụng các từ ngữ mới

6 - Trang 103 SGK

Cho các từ ngữ: *phương tiện, cứu giúp, mục đích cuối cùng, viện trợ, yếu điểm, điểm yếu, điểm thiếu sót, khuyết điểm, đề bạt, đề cử, đề đạt, đề xuất, lấu lỉnh, lấu tấu, liên lấu, liên thoắng, hoảng hồn, hoảng loạn, hoảng hốt, hoảng sợ*. Hãy chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống trong những câu sau:

Trả **lời**

- a) Đồng nghĩa với "nhược điểm" là /điểm yếu/
- b) "Cứu cánh" nghĩa là / mục đích cuối cùng/
- c) Trình ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên là /đề xuất/
- d) Nhanh nhẩu mà thiếu chín chắn là /lấu tấu/
- e) Hoảng đến mức có những biểu hiện mất trí là /hoảng loạn/

7 - Trang 103 SGK

Phân biệt nghĩa của các từ ngữ sau và đặt câu với mỗi từ đó [...]

Trả lời

Phân biệt nghĩa:

a) Nhuận bút là Tiền trả cho tác giả các công trình văn hoá, nghệ thuật, khoa học được xuất bản hoặc được sử dụng. Thù lao là tiền trả công để bù đắp vào lao động đã bỏ ra, căn cứ vào khối lượng công việc hoặc theo thời gian lao động.

→ Như vậy, thù lao có nghĩa rộng hơn nhuận bút.

b) Tay trắng là ở tình trạng không có chút vốn liếng, của cải gì. Trắng tay là bị mất hết của cải, tiền bạc, hoàn toàn không còn gì.

→ Khác nhau là một bên không có gì (tay trắng) một bên có mà bị mất hết (trắng tay).

c) Kiểm điểm là xem xét, đánh giá lại từng cái hoặc từng việc để có được một nhận định chung, kiểm kê là kiểm lại từng cái, từng món để xác định số lượng hiện có và tình trạng chất lượng.

→ Khác nhau: một bên có đánh giá chung (kiểm điểm), một bên xác định số lượng và chất lượng hiện có (kiểm kê).

d) Lược khảo: Nghiên cứu khái quát về những cái chính, không đi vào chi tiết. Lược thuật trình bày tóm tắt (thường bằng văn viết).

→ Em căn cứ vào nghĩa của những từ ngữ trên để đặt câu.

8 - Trang 104 SGK

Trong tiếng Việt, có nhiều từ phức (từ ghép và từ láy) có các yếu tố cấu tạo giống nhau nhưng trật tự các yếu tố thì khác nhau, như từ ghép : kì lạ - lạ kì, nguy hiểm – hiểm nguy, thương xót – xót thương ; hoặc từ láy : khát khe – khe khát, lưng lầy - lầy lưng. Hãy tìm năm từ ghép và năm từ láy tương tự.

Trả lời

Em có thể tìm các từ khác, ngoài những từ đã nêu ở bài tập trên và chia thành hai nhóm, mỗi nhóm 5 cặp từ. Chẳng hạn:

Các từ phức có yếu tố cấu tạo giống nhau nhưng trật tự khác nhau:

- Ghép: xinh tươi – tươi xinh, làng xóm – xóm làng, nhỏ bé - bé nhỏ, đấu tranh – tranh đấu, đơn giản - giản đơn.

- Từ láy: lưng lơ – lơ lưng, đau đớn - đớn đau, khát khao – khao khát, tối tăm - tăm tối, hững hờ - hờ hững.

Lưu ý: những cặp từ trên đảo trật tự được và thường có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Em không chọn những từ phức trật tự đảo được nhưng nghĩa khác nhau. Ví dụ: yếu điểm – điểm yếu, sĩ tử – tử sĩ, vãng lai – lai vãng ..

9 - Trang 104 SGK

Với mỗi yếu tố Hán Việt sau đây, hãy tìm hai từ ghép có yếu tố đó : bất (không, chẳng), bí (kín), đa (nhiều), đề (nâng, nêu ra), gia (thêm vào), giáo (dạy bảo), hồi (về, trở lại), khai (mở, khơi), quang (rộng, rộng rãi), suy (sút kém), thuận (ròng, không pha tạp), thủ (đầu, đầu tiên, người đứng đầu), thật (chân thật, chân chất), thuận (dễ bảo, chịu khiến), thuỷ (nước), tư (riêng), trữ (chứa, cất), trường (dài), trọng (nặng, coi nặng, coi là quý), vô (không, không có), xuất (đưa ra, cho ra), yếu (quan trọng).

Trả lời

Trong dãy từ sau (của mỗi yếu tố Hán Việt) em có thể chọn ra hai từ:

- bất (không, chẳng): bất biến, bất bình đẳng, bất chính, bất công, bất diệt...
- bí (kín): bí mật, bí danh, bí ẩn, bị hiềm, bí quyết, bí truyền...
- đa (nhiều): đa cảm, đa dạng, đa diện, đa giác, đa khoa, đa nghi, đa nghĩa
- đề (nâng, nêu ra): đề án, đề bạt, đề cao, đề cập, đề cử, đề đạt, đề nghị, đề xuất...
- gia (thêm vào): gia cố, gia công, gia giảm, gia hạn, gia vị...
- giáo (dạy bảo): giáo án, giáo dục, giáo khoa, giáo vụ, giáo viên, giáo sư,..
- hồi (về, trở lại): hồi hương, hồi phục, hồi sinh, hồi tâm, hồi tỉnh, hồi xuân
- khai (mở, khơi): khai bút, khai chiến, khai giảng, khai hoả, khai hoang, khai mạc...
- quang (rộng, rộng rãi): quang canh, quang cáo, quang đại, quang giao, quang trường...

GHI NHỚ

Muốn sử dụng tốt tiếng Việt, trước hết cần trau dồi vốn từ. Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.

Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.

Muốn sử dụng tốt tiếng Việt, trước hết cần trau dồi vốn từ. Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.

Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.

→ Xem toàn bộ hướng dẫn [soạn văn 9 bài 7](#)

// Mong rằng nội dung của bài **hướng dẫn soạn văn 9 bài trau dồi vốn từ** này sẽ giúp các bạn ôn tập và nắm vững các kiến thức quan trọng của bài học. Chúc bạn luôn đạt được những kết quả cao trong học tập.